

Số: /BC-SNN-KH

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Tổng kết thực hiện Kế hoạch phát triển nông nghiệp và nông thôn năm 2023 và triển khai kế hoạch năm 2024 ngành Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Phước

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN NĂM 2023

Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, là năm bản lề có ý nghĩa quan trọng trong thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch phát triển KTXH của tỉnh giai đoạn 2021-2025 là năm Ngành Nông nghiệp và PTNT Bình Phước triển khai thực hiện sản xuất trong điều kiện biến đổi khí hậu ngày càng tác động đến sản xuất nông nghiệp, như hạn hán, mưa trái mùa; dịch tả lợn Châu phi vẫn còn diễn ra. Bên cạnh đó là giá thức ăn chăn nuôi tăng cao trong khi giá bán sản phẩm thấp đặc biệt là giá heo, gà gây khó khăn cho các hộ chăn nuôi. Trong bối cảnh đó, Ngành luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao, thường xuyên của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và các cơ quan chuyên môn của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ngành đã phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; khuyến cáo sản xuất theo quy hoạch đối với cây sầu riêng; đẩy mạnh tuyên truyền, hỗ trợ nông dân liên kết sản xuất và sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sạch, hữu cơ; phát triển các vùng chuyên canh cây ăn quả sản xuất sạch gần với mã vùng trồng Nên ngành Nông nghiệp Bình Phước đã góp phần không nhỏ vào tốc độ tăng Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh Bình Phước (GRDP) với vị trí đứng thứ 11 so với cả nước và đứng thứ nhất vùng Đông Nam Bộ.

I. NHỮNG KẾT QUẢ CHỦ YẾU:

+ Giá trị sản xuất Nông Lâm nghiệp và Thủy sản (giá cố định 2010) năm 2023 ước đạt 38.307,1 tỷ đồng tăng 10,7% so với cùng kỳ năm 2022, **đạt 101,4% kế hoạch năm 2023.**

Trong đó: GTSX nông nghiệp ước đạt 38.129,2 tỷ đồng, tăng 10,6% so với năm 2022; GTSX lâm nghiệp ước đạt 121,1 tỷ đồng, tăng 117,8% so với năm 2022; GTSX thủy sản ước đạt 56,8 tỷ đồng, giảm 28,5% so với năm 2022.

Cơ cấu trong ngành: Cơ cấu GTSX ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản: Nông nghiệp 99,5% (trồng trọt chiếm 63,9%; chăn nuôi chiếm 35,9%; dịch vụ chiếm 0,2%); lâm nghiệp 0,35%; thủy sản 0,15%.

+ Tỷ lệ che phủ rừng và cây lâu năm chung toàn tỉnh: 75,49%, **đạt 100% kế hoạch** năm, so với năm 2022 giảm 0,11% (trong đó tỷ lệ che phủ rừng tự nhiên và rừng trồng là 22,74%).

+ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới: Có 07 xã đạt chuẩn Nông thôn mới và 06 xã nông thôn mới nâng cao về đích trong năm 2023, **đạt 100% kế hoạch**.

+ Tỷ lệ các hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 99,2%, **đạt 100% kế hoạch**.

1. Cơ cấu sản xuất nông nghiệp tiếp tục được điều chỉnh phù hợp, hiệu quả hơn gắn với thị trường, tăng tỷ trọng ngành, sản phẩm NLTS có lợi thế cạnh tranh và giá trị cao, bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm.

Thực hiện xây dựng Đề án cơ cấu lại ngành Nông nghiệp và PTNT tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và kế hoạch triển khai Đề án làm cơ sở để triển khai thực hiện cơ cấu lại ngành Nông nghiệp. Bên cạnh đó, Ngành đã phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo phát triển sản xuất, cơ cấu mùa vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu giống phù hợp với diễn biến thời tiết và tín hiệu thị trường, bảo đảm hạn chế tối đa thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh và ảnh hưởng của giá vật tư nông nghiệp vẫn ở mức cao. Cụ thể kết quả ở từng lĩnh vực như sau:

(1) Trồng trọt: Trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030"; tham mưu UBND tỉnh tổ chức thành công Hội nghị sơ kết 03 năm triển khai Nghị quyết 11-NQ/TU về phát triển ngành điều; triển khai thực hiện Dự án trồng xen canh, chăn nuôi dưới tán điều giai đoạn 2023-2025; Dự án phát triển chuỗi cung ứng tiêu bền vững, Chương trình Quản lý sức khỏe cây trồng (IPHM); đẩy mạnh thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại lĩnh vực nông nghiệp; chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa sang cây trồng khác có hiệu quả cao hơn; thực hiện tổ chức sản xuất theo chuỗi các sản phẩm chủ lực của tỉnh; khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ; cấp và quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói nông sản phục vụ xuất khẩu. Do vậy tốc độ tăng GTSX ngành trồng trọt tăng 5,6% so với năm 2022, cụ thể:

- Cây hàng năm: diện tích gieo trồng ước đạt 24.686 ha, giảm 5,3% (giảm 1.385) ha so với cùng kỳ, đạt 97% kế hoạch năm. Tổng sản lượng lương thực có hạt ước đạt 51.950 tấn, tăng 1.823 tấn so với cùng kỳ, đạt 104% kế hoạch năm⁽¹⁾.

- Cây lâu năm ước tính toàn tỉnh hiện có 437.212 ha cây lâu năm đạt 100,3% kế hoạch năm (giảm 2.801 ha so với cùng kỳ năm 2022)⁽²⁾.

¹ Trong đó: cây lương thực có hạt diện tích gieo trồng đạt 13.422 ha (tăng 250 ha) so với cùng kỳ; cây có củ diện tích gieo trồng đạt 4.878 ha (giảm 631 ha); cây thực phẩm diện tích gieo trồng đạt 2.943 ha (giảm 828 ha); cây công nghiệp hàng năm diện tích gieo trồng đạt 352 ha (giảm 17 ha) và diện tích gieo trồng cây hàng năm khác 3.090 ha (giảm 159 ha).

² Trong đó:

+ Cây ăn quả các loại hiện có 17.176 ha, tăng 19,3% (2.779 ha) so với cùng kỳ, gồm các loại cây chính: sầu riêng 7.500 ha; chuối 1.805 ha; mít 1.693 ha; bưởi 1.487 ha . . . Diện tích cây ăn quả tăng do tăng diện tích cây chuối và sầu riêng; về năng suất, sản lượng tăng do mưa nhiều nên năng suất, diện tích cho sản phẩm tăng.

+ Cây công nghiệp lâu năm chủ lực của tỉnh (điều, tiêu, cao su và cà phê) với tổng diện tích hiện có 419.623 ha (-5.611 ha) so với cùng kỳ, trong đó cây điều hiện có 149.695 ha (-2.312 ha), sản lượng năm 2023 ước đạt 199.043 tấn (+27.167 tấn). Cây hồ tiêu hiện có 12.953 ha (-

- Về cấp mã vùng trồng phục vụ xuất khẩu: Đến nay tỉnh đã cấp được 48 mã số vùng trồng với tổng diện tích 3.801,58 ha, sản lượng 134.753,36 tấn xuất khẩu sang các thị trường: Hoa Kỳ, Trung Quốc, trong đó: sầu riêng (38) mã số, Thanh long (01), nhãn (01), xoài (01) mã số, chuối (04) mã số, mít (03) mã số.

- Liên kết chuỗi trong trồng trọt: Cây điều: có 10 doanh nghiệp chế biến xuất khẩu điều tham gia liên kết với 38 hợp tác xã với diện tích khoảng 4.500ha, chuỗi điều hữu cơ khoảng 3.200ha, có 63 sản phẩm chế biến từ hạt điều được cấp chứng nhận OCOP từ 3-5 sao; Hồ tiêu: 03 doanh nghiệp xây dựng chuỗi liên kết với khoảng 60 đơn vị (HTX, tổ hợp tác, Câu lạc bộ) với diện tích 2.600 ha; trái cây có khoảng 20 doanh nghiệp tham gia liên kết với khoảng 30 đơn vị (HTX, tổ hợp tác, trang trại).

(2) Chăn nuôi:

Trình UBND tỉnh triển khai kế hoạch vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm an toàn dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch nâng cao năng lực quản lý vùng an toàn dịch bệnh. Thực hiện đẩy mạnh chăn nuôi theo hướng công nghiệp, an toàn, theo chuỗi giá trị; giảm dần hình thức chăn nuôi nhỏ lẻ. Xây dựng cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh, chuỗi liên kết chăn nuôi⁽³⁾. Nhờ đó, Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi tăng 20,9% so với năm 2022, tổng đàn gia súc, gia cầm đều tăng so với năm 2022. Cụ thể: Đàn trâu có 12.783 con, so cùng kỳ tăng 59 con; đàn bò 40.216 con, so cùng kỳ tăng 110 con; đàn heo 1.872.341 con, so cùng kỳ tăng (134.934 con); toàn tỉnh có 406 trại lợn, trong đó có 271 trại có chuồng lạnh, kín (chiếm 66,7% tổng số trại). Các trại lợn chủ yếu cho nuôi gia công hoặc cho các công ty, tập đoàn thuê chăn nuôi như CP, Làng Sen, Vietswan, Sunjin, Japfa, New Hope, Hòa Phước, Velmar, BaF Việt... Đàn gia cầm có 10.167.000 con, so cùng kỳ tăng (68.000 con); toàn tỉnh có 88 trại gia cầm (81 trại gà và 7 trại vịt) có 60 trại chăn nuôi công nghệ chuồng lạnh, kín, tự động hoặc bán tự động (chiếm 68,2% số trại gia cầm), còn lại là trại hở, bán nuôi thả. Các trại gia cầm chủ yếu cho nuôi gia công hoặc cho các công ty, tập đoàn thuê chăn nuôi như CP, Emivest, Vietswan, Sunjin, Japfa.

(3) Thủy sản:

Năm 2023, tình hình nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh vẫn được duy trì ổn định chủ yếu là nuôi quy mô nhỏ, lẻ, nuôi trong ao, hồ và số ít hộ nuôi cá trong lồng bè; phần lớn diện tích nuôi để tiêu dùng nên năng suất cũng như hiệu quả thu được trên một hecta nuôi trồng không cao; nuôi lồng bè tập trung tại các hồ chứa lớn (hồ thủy điện Thác Mơ, Cần Đơn và các hồ thủy lợi) với số lượng lồng nuôi khoảng 150

911 ha), sản lượng năm 2023 ước đạt 23.508 tấn (-2.602 tấn). Cây cao su hiện có 242.961 ha (-2.413 ha), sản lượng ước đạt 417.914 tấn, tăng 10.973 tấn. Cây cà phê hiện có 14.013 ha (+25 ha), sản lượng ước đạt 28.832 tấn, giảm 182 tấn.

³ Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 42 cơ sở chăn nuôi gia cầm ATDB đối với bệnh Cúm gia cầm, 37 cơ sở chăn nuôi gà ATDB đối với bệnh Niu-cát-xon, 02 cơ sở chăn nuôi vịt ATDB đối với Dịch tả vịt; 130 cơ sở chăn nuôi lợn được công nhận ATDB đối với bệnh Lở mồm long móng, 125 cơ sở chăn nuôi ATDB đối với bệnh Dịch tả lợn cổ điển và 84 cơ sở chăn nuôi lợn ATDB đối với bệnh Dịch tả lợn Châu phi còn hiệu lực. Các trại lợn ATDB chiếm 32% tổng số trại, trại gia cầm ATDB chiếm 50% tổng số trại; các trang trại chăn nuôi còn lại được tổ chức giám sát dịch bệnh theo quy định và đảm bảo chăn nuôi an toàn sinh học.

Trên địa bàn tỉnh hình thành nhiều chuỗi liên kết giá trị góp phần thúc đẩy phát triển chăn nuôi của tỉnh như chuỗi thịt gà xuất khẩu của Công ty TNHH CPV FOOD với tổng mức đầu tư 250 triệu USD đã đi vào hoạt động trong năm 2023 đã xuất khẩu hơn 1.682 tấn sản phẩm thịt gà chế biến sang Nhật, Hồng Kông, Lào, Campuchia với doanh thu ước đạt 144,5 triệu USD. Ngoài ra còn các chuỗi giá trị của các công ty như Japfa Comfeed Việt Nam, Dehue, Thái Việt, Newhop, Hòa Phước, Dabaco, CJ Vina.... Bên cạnh đó tiếp tục duy trì 06 vùng ATDB đối với bệnh Cúm gia cầm và Niu-cát-xon trên gia cầm, gồm các huyện, thị xã, thành phố: Đồng Phú, Đồng Xoài, Chơn Thành, Hớn Quản, Bình Long và Bù Đăng và triển khai xây dựng vùng chăn nuôi gia cầm tại huyện Phú Riềng, vùng chăn nuôi gia súc tại huyện Hớn Quản và thị xã Chơn Thành.

lồng; tiếp tục thực hiện chương trình phục hồi và tái tạo nguồn lợi thủy sản, mô hình nuôi cá mặt nước lớn, chương trình khuyến ngư cho các xã Nông thôn mới . . . Tuy nhiên, diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2023 chỉ đạt 1.198 ha (giảm 582ha) so với năm 2022, sản lượng thủy sản ước đạt 2.110 tấn (sản lượng nuôi trồng 1.780 tấn và sản lượng khai thác 330 tấn), giảm 786 tấn so với năm 2022.

(4) Lâm nghiệp:

Xây dựng hoàn thành Đề án Quản lý, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế rừng gắn với phát triển du lịch tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững và Tiểu dự án 1 năm 2023; rà soát quy hoạch vùng trồng nguyên liệu gỗ rừng trồng với diện tích 5.000 ha; tiếp tục triển khai kế hoạch trồng cây xanh trên địa bàn tỉnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng ⁽⁴⁾. Công tác phòng cháy chữa cháy rừng được quan tâm triển khai thực hiện, kết quả năm 2023 trên địa bàn tỉnh không xảy ra cháy rừng. Tuy nhiên, việc vi phạm pháp luật các quy định về bảo vệ rừng vẫn diễn ra ⁽⁵⁾.

(5) Công nghiệp chế biến và cơ giới hóa nông nghiệp:

Triển khai thực hiện Kế hoạch Đề án “Phát triển hệ thống sơ chế, bảo quản sau thu hoạch giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh. Tổ chức thành công Hội thảo kết nối các hợp tác xã, doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất với các cơ sở chế biến, chế tạo, kinh doanh nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất sơ chế, bảo quản và xuất khẩu nông sản năm 2023. Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp phát triển sơ chế, bảo quản sau thu hoạch; nâng cao năng lực chế biến, bảo quản nông sản, tăng cường chế biến sâu, đồng thời, hỗ trợ xây dựng các mô hình phát triển bảo quản sau thu hoạch.

2. Chương trình Kinh tế hợp tác, kinh tế trang trại, Ngành nghề nông thôn.

- Kinh tế tập thể, hợp tác xã, và nhãn hiệu, thương hiệu:

+ Toàn tỉnh hiện có 225 HTX và 86 THT đăng ký hoạt động trên địa bàn. Về trang trại: có 495 trang trại (trong đó gồm: 302 trang trại hoạt động về lĩnh vực trồng trọt và 193 trang trại hoạt động về lĩnh vực chăn nuôi).

+ Về Nhãn hiệu, thương hiệu: có 05 nhãn hiệu được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ gồm: chỉ dẫn địa lý “Hạt điều Bình Phước”, nhãn hiệu tập thể “Hồ tiêu Lộc Ninh”, nhãn hiệu chứng nhận “Cao su Bình Phước”, nhãn hiệu tập thể “Gà thả vườn Thanh Lương” và “Nhãn tiêu da bò Thanh Lương”. Thương hiệu: có 01 thương hiệu mang chỉ dẫn địa lý “Điều Bình Phước” được biết đến là thương hiệu điều có chất lượng cao.

- Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP): thực hiện hướng dẫn địa phương, doanh nghiệp, HTX, cơ sở sản xuất kinh doanh tham gia đăng ký đánh giá phân hạng

⁴ Năm 2023, thực hiện Giao khoán bảo vệ rừng: 32.737,58 ha, trong đó: rừng đặc dụng: 19.575,16 ha; rừng phòng hộ: 11.569,31 ha; rừng sản xuất : 1.593,11 ha; Diện tích rừng trồng mới tập trung: 3,4 ha; Diện tích rừng trồng được chăm sóc: 3.140 ha; Diện tích rừng khoanh nuôi xúc tiến tái sinh: 6.567 ha; toàn tỉnh đã trồng được 1.465.159 cây xanh.

⁵ Năm 2023 xảy ra 44 vụ. Số vụ đã xử lý: 35 vụ (xử lý hành chính). Tang vật, phương tiện tịch thu: Lâm sản: 24,999 m³, trong đó: 9,17 m³ gỗ xẻ; 15,827 m³ gỗ tròn; Củi: 2,912 ster. Phương tiện, tang vật: 01 ô tô (xe lắp ráp, không có giấy đăng ký), 02 cá thể chim Chích chòe lửa (còn sống); 02 cá thể sóc bụng đỏ đã chết; 01 cái lồng bẫy chim; 07 cửa tay; 06 con dao rựa; 03 dao phát; 04 cửa máy; 07 cửa tay; 01 lam cửa; 27 cái bẫy cạp; 01 đôi giày vải; 01 balo, 02 con dao. Tổng thu nộp ngân sách: 405.529.000 đồng.

sản phẩm. Đến hết năm 2023, tổng số sản phẩm được đạt chứng nhận OCOP lên 155 sản phẩm OCOP đạt hạng 03 đến hạng 5 sao (cấp huyện, cấp tỉnh, cấp quốc gia) gồm hạt điều các loại, hạt tiêu các loại, yến sào, mật ong, trái cây, rượu chuối hột, rượu sâm bô chính, rượu đông trùng hạ thảo. . . Trong đó: có 3 sản phẩm hạng 5 sao, 58 sản phẩm hạng 4 sao, 94 sản phẩm đạt hạng 3 sao. Có 78 chủ thể tham dự, gồm: 37 Doanh nghiệp, 16 Hợp tác xã, 25 Hộ/Cơ sở SXKD.

3. Công tác Quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm:

Năm 2023, đã tiến hành thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện đảm bảo ATTP trên địa bàn tỉnh, xếp loại được 223 cơ sở, trong đó: 01 cơ sở xếp loại A, 207 cơ sở xếp loại B, 15 cơ sở xếp loại C. Thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 112 giấy chứng nhận. Thực hiện tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm của 56 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh và đăng tải công khai danh sách cơ sở tự công bố sản phẩm hàng tháng lên trang website của Sở Nông nghiệp và PTNT theo quy định. Tiếp nhận 01 hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu của cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh.

4. Nâng cao năng lực phòng chống thiên tai và phát triển thủy lợi - Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn.

(1) Phát triển thủy lợi: Triển khai thực hiện Đề án Nâng cấp và phát triển hệ thống thủy lợi, khai thác nguồn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước; trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 về Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh năm 2023; Trình UBND tỉnh ban hành: Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 05/4/2023 về ban hành Quy định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1626/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 về Quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trên địa bàn tỉnh năm 2023.

Thực hiện sửa chữa đường mặt đập các công trình: Hồ chứa nước Bramang, Suối Ông, Suối Cam II. Kiên cố hóa khoảng 1.500m kênh mương nội đồng thuộc 02 công trình từ nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới (gồm: Kênh áp Lộc Bình 1, xã Lộc Thành và Kênh N1 thuộc hệ thống thủy lợi Lộc Quang).

Đến nay, trên địa bàn tỉnh hiện có 76 công trình thủy lợi vừa và nhỏ các loại, trong đó có 65 hồ chứa vừa và nhỏ, 09 đập dâng, 01 trạm bơm và 01 hệ thống kênh sử dụng nước sau hồ thủy điện Cần Đơn. Với năng lực thiết kế tưới là 9.984 ha; tạo nguồn cấp nước sinh hoạt và công nghiệp với công suất 133.342 m³/ngày đêm. Kết quả sản xuất, phục vụ tưới đến nay đạt: 9.984 ha.

(2) Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn: tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị định số 43/2022/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch; thực hiện rà soát, phân loại tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn huyện, thị xã năm 2023 (huyện: Hớn Quản, Đồng Phú; thị xã: Chơn Thành, Bình Long). Phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan cập nhật dữ liệu chất lượng nước nông thôn trên địa bàn tỉnh. Năm 2023, tỷ lệ dân số sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 99,2%, tăng 0,4% so với năm 2022.

(3) Nâng cao năng lực phòng chống thiên tai:

Phối hợp với Ban chỉ huy PCTT&TKCN các huyện, thị xã, thành phố: Theo dõi tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh; tổ chức kiểm tra công tác PCTT trên địa bàn tỉnh; phân bổ vật tư, thiết bị phục vụ công tác ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2023 cho các cơ quan, đơn vị, địa phương; khăn chương khắc phục vi phạm tại nhà máy thủy điện Đăk Glun và Đăk Glun 2. Trong năm đã tổ chức 41 lớp tập huấn (mỗi lớp 60 người), tuyên truyền, hướng dẫn kỹ năng phòng ngừa, ứng phó với các loại hình thiên tai trên địa bàn tỉnh; củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai (LLXK PCTT) cấp xã; nâng cao nhận thức cộng đồng về công tác phòng chống thiên tai cho cán bộ, cộng đồng dân cư các xã với 2.460 người tham gia. Tiếp tục tuyên truyền Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Kế hoạch số 248-KH/TU ngày 17/9/2020 của Tỉnh ủy Bình Phước, kế hoạch PCTT giai đoạn 2021-2025, thực hiện Bộ chỉ số đánh giá công tác PCTT cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025.

5. Về quản lý, bảo vệ và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường:

Theo Kế hoạch, đến hết năm 2023, độ che phủ của rừng và cây lâu năm trên địa bàn ước đạt 75,49% (đạt 100% kế hoạch năm), tương ứng diện tích: 519.001,22 ha, trong đó:

- Độ che phủ của rừng (rừng trồng, rừng tự nhiên): 22,74%, tương ứng diện tích: 156.361,22 ha (rừng tự nhiên: 55.977,78 ha; rừng trồng: 100.383,44 ha).

- Độ che phủ của cây lâu năm: 52,75% (cao su: 32,17%; Điều: 20,58%), tương ứng với diện tích: 362.640 ha (cao su: 221.138 ha; Điều: 141.502 ha).

6. Phát triển nông thôn, trọng tâm là thực hiện hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

(1) Kết quả chung toàn tỉnh:

- Số huyện, thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới/huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới: 3/11 huyện (thành phố Đồng Xoài, thị xã Phước Long, thị xã Bình Long).

- Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 73/86 xã (*hiện nay 07 xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023, tiêu chí bình quân là 19/19 tiêu chí, đang hoàn thiện hồ sơ, xét công nhận*).

- Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 21/73 xã (*có 6 xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023, tiêu chí bình quân là 20/20 tiêu chí đang hoàn thiện hồ sơ, xét công nhận*).

- Số xã nông thôn mới kiểu mẫu: Tính đến hết năm 2023 toàn tỉnh chưa có xã nào có quyết định đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu theo Kế hoạch 174/KH-UBND ngày 02/6/2022 của UBND tỉnh.

- Huyện nông thôn mới: Tại Kế hoạch 174/KH-UBND ngày 02/6/2022 của UBND tỉnh trong giai đoạn 2021-2025 phấn đấu có 03 huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới là huyện: Lộc Ninh, Phú Riềng, Hớn Quản. Tuy nhiên đến hết tháng 12/2023 thì 02 huyện phấn đấu về đích huyện nông thôn mới trong giai đoạn 2016-2020 là huyện Đồng Phú và huyện Chơn Thành (nay là thị xã Chơn Thành) vẫn chưa hoàn thiện hồ sơ gửi Trung ương thẩm định; đối với huyện Lộc Ninh phấn đấu về đích

năm 2023 hiện nay huyện đang nỗ lực hoàn thiện các tiêu chí huyện nông thôn mới đồng thời hoàn thiện hồ sơ huyện nông thôn mới trình các sở, ban, ngành tỉnh thẩm tra.

Số tiêu chí toàn tỉnh đến tháng 12/2023 là: 18,42 tiêu chí.

- Phân theo nhóm tiêu chí:

+ Số xã đạt 19 tiêu chí: 80/86 xã

+ Số xã đạt từ 15 – 18 tiêu chí: 0 xã

+ Số xã đạt từ 11 – 14 tiêu chí: 6 xã

(2) Mua sắm xi măng tập trung:

Kế hoạch phân bổ xi măng tập trung năm 2023 là 78.133,28 tấn, đến ngày 18/12/2023, toàn tỉnh mới nhận được 7.915 tấn và làm được 56 km đường bê tông xi măng. Tính chung toàn tỉnh năm 2023 ước thực hiện được 574 km đường bê tông xi măng theo cơ chế đặc thù (*số km bê tông đã làm trong năm 2023 từ nguồn phân bổ xi măng năm 2022 là khoảng 518 km*).

7. Cải cách hành chính, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý ngành.

(1) Cải cách hành chính:

Năm 2023, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiến hành rà soát tất cả thủ tục hành chính của Ngành và tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh: 11 TTHC; sửa đổi, bổ sung: 18 TTHC; thay thế: 5 thủ tục; bãi bỏ: 6 TTHC; giữ nguyên 60 thủ tục hành chính; thực hiện việc đơn giản hóa TTHC đã tham mưu cắt giảm thời gian giải quyết theo quy định tổng là 258 ngày so với quy định. Hiện nay: Tổng số thủ tục hành chính ngành Nông nghiệp và PTNT: 86 thủ tục⁽⁶⁾.

Tình hình, kết quả giải quyết TTHC: năm 2023 đã tiếp nhận 807 hồ sơ TTHC, đã giải quyết: 760 (giải quyết trước và đúng hạn); hồ sơ đang giải quyết: 47. Trong năm 2023 không có hồ sơ quá hạn.

(2) Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý ngành:

Đã thực hiện tái lập Chi cục Trồng trọt – BVTV và thành lập mới Phòng Kinh tế hợp tác để triển khai nhiệm vụ của ngành theo đúng quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

Năm 2023, tình hình thời tiết diễn biến vẫn còn phức tạp; giá thức ăn chăn nuôi tăng cao trong khi giá bán sản phẩm thấp đặc biệt là giá heo, gà gây khó khăn cho các hộ chăn nuôi; bộ máy cán bộ công chức của ngành vẫn còn thiếu chưa tạo động lực cho cán bộ công chức trong ngành. Nhưng với nỗ lực của tập thể lãnh đạo, cán bộ công chức toàn ngành nông nghiệp và sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; bám sát tình hình thực tiễn phối hợp các địa phương triển khai toàn diện các nhiệm vụ được giao và đạt được nhiều kết quả. Giá trị gia tăng ngành Nông, lâm, thủy sản cao nhất cả nước; Phê duyệt triển khai đề án “Cơ cấu lại ngành Nông nghiệp tỉnh Bình

⁶ - Thủ tục hành chính tại cấp tỉnh: 70 thủ tục, 100% Thủ tục được đưa ra nộp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả trên dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

- Thủ tục nộp tại cấp huyện: 09 thủ tục;

- Thủ tục nộp tại cấp xã: 07 thủ tục.

Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030” – làm cơ sở thực hiện phát triển của ngành đến năm 2030. Đẩy mạnh sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm với cây ăn quả có thể mạnh của tỉnh: sầu riêng, bưởi; kiểm soát tốt dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; chủ động đối phó kịp thời với diễn biến bất thường của thời tiết; thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy rừng; công tác kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm các mặt hàng nông lâm thủy sản được chỉ đạo kịp thời, kiểm soát được tình hình buôn bán và sử dụng chất cấm trong sản xuất.

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đạt kế hoạch đề ra, chú trọng đến phát triển sản xuất và đầu tư các cơ sở hạ tầng thiết yếu, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và tăng thu nhập cho người dân nông thôn.

Bên cạnh kết quả đạt được, ngành Nông nghiệp và PTNT vẫn tồn tại những hạn chế:

(1) Việc xây dựng thực hiện ”Đề án cơ cấu lại ngành Nông nghiệp tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030” và Đề án Quản lý, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế rừng gắn với phát triển du lịch tỉnh Bình Phước giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 chưa đúng theo kế hoạch đề ra.

(2) Việc triển khai dự án xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển lâm nghiệp bền vững (xây dựng nhà chốt) còn chậm, công tác trồng rừng thay thế của các chủ dự án an ninh quốc phòng, mục đích công cộng chưa hoàn thành, các vụ vi phạm về công tác bảo vệ rừng vẫn còn xảy ra.

(3) Chăn nuôi theo hình thức nhỏ lẻ vẫn còn duy trì, lực lượng cán bộ thú y một số huyện, xã còn thiếu, mỏng nên khó khăn trong việc triển khai thực hiện như giám sát dịch bệnh, tiêm phòng, phun xịt tiêu độc khử trùng phòng chống dịch bệnh động vật.

(4) Về thủy lợi: nguồn kinh phí được giao chưa đáp ứng được nhu cầu thực hiện các chương trình, dự án về thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

(5) Việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật còn chậm, thiếu gắn kết giữa các khâu sản xuất - thu mua - chế biến - bảo quản - tiêu thụ sản phẩm, nhất là chế biến sâu, dẫn đến năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế chưa cao.

(6) Hợp tác, liên kết theo chuỗi trong sản xuất còn nhiều hạn chế do quy mô nhỏ, lỏng lẻo. Hầu hết chỉ liên kết ngang, hoạt động của các tổ chức sản xuất đại diện cho nông dân như: Câu lạc bộ, tổ hợp tác, hợp tác xã chưa đi vào chiều sâu, hiệu quả thấp. Số hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao, tiêu chuẩn có bước phát triển tốt, hiệu quả nhưng vẫn còn ít. Các chuỗi liên kết nhiều nhưng hiệu quả còn ít so với tiềm năng nông nghiệp của tỉnh.

*** Nguyên nhân của những tồn tại hạn chế, yếu kém:**

- Về Khách quan:

Biến đổi khí hậu đang có xu hướng gia tăng, giai đoạn này đã xảy ra nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan, mưa trái mùa, gió lốc, mưa lũ lớn, hạn hán kéo dài gây ra thiệt hại sản xuất nông nghiệp và đời sống người dân.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm nông sản chưa được khai thác tốt, thiếu ổn định và tính rủi ro cao. Chưa tạo dựng được thương hiệu uy tín trên thị trường.

- Về chủ quan:

Các chính sách hỗ trợ ngành Nông nghiệp và PTNT của Trung ương được ban hành nhưng nguồn lực để thực hiện còn nhiều hạn chế. Vốn đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn chưa tương xứng với vị trí, vai trò, tiềm năng, thấp hơn rất nhiều so với nhu cầu phát triển của ngành và chưa tương xứng so với các ngành khác.

Nguồn nhân lực được đào tạo để phục vụ cho quản lý, sản xuất, kinh doanh nông nghiệp còn thiếu nên tổ chức sản xuất chưa đạt hiệu quả, thiếu liên kết. Nhận thức của một bộ phận cán bộ về vị trí và yêu cầu phát triển Nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa chưa đúng, đủ.

Công tác nghiên cứu, chuyên gia khảo học công nghệ chưa kịp thời, chưa tạo bước đột phá trong nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm. Một số lĩnh vực đã có công nghệ mới nhưng chậm hoặc ít được chuyên gia vào sản xuất.

PHẦN THỨ HAI

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT NĂM 2024

I. Các chỉ tiêu chủ yếu:

Năm 2024, là năm thứ tư thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2021-2025, trong bối cảnh tình hình thời tiết và biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp, tạo ra nhiều khó khăn thách thức trong việc hoàn thành mục tiêu tổng quát trong giai đoạn 2021-2025 là *“Phát triển nền nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, hội nhập quốc tế, thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới, nông dân giàu có, nông thôn văn minh, hiện đại”*. Các chỉ tiêu chủ yếu của ngành như sau:

- Giá trị sản xuất nông lâm nghiệp tăng **5%** so với năm 2023.
- Tỷ lệ che phủ rừng và cây lâu năm chung toàn tỉnh: 74,8% (*trong đó tỷ lệ che phủ rừng tự nhiên và rừng trồng là 22,74%*).
- Đưa tỷ lệ các hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 99,6%.
- Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới: phấn đấu đưa 05 xã đạt chuẩn Nông thôn mới về đích trong năm 2024 (85 xã đạt chuẩn) và 06 xã phấn đấu đạt chuẩn NTM nâng cao (33 xã đạt chuẩn); 02 xã phấn đấu về đích nông thôn mới kiểu mẫu; 04 huyện phấn đấu về đích huyện nông thôn mới.

Để đạt mục tiêu các chỉ tiêu đề ra toàn Ngành cần tập trung tiếp tục triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm sau:

II. Nhiệm vụ chủ yếu:

1. Triển khai thực hiện các Đề án thuộc Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 30/9/2021 của Tỉnh ủy.

2. Đẩy mạnh thực hiện cơ cấu lại ngành Nông nghiệp; tiếp tục phát triển nông nghiệp ứng dụng CNC quy mô lớn, tăng cường nâng cao giá trị gia tăng, gắn với liên kết chuỗi giá trị sản xuất, chế biến xuất khẩu:

(1) Về trồng trọt:

Đẩy mạnh chuyên đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế của tỉnh và thích ứng với biến đổi khí hậu hiện nay; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, sử dụng giống mới, năng suất và chất lượng cao. Duy trì tốt công tác phòng chống sâu bệnh trên cây trồng. Năm 2024, tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm đạt 24.250 ha và tổng diện tích cây công nghiệp lâu năm và ăn quả: 431.000 ha.

(2) Về chăn nuôi:

Phát triển chăn nuôi tập trung theo quy mô công nghiệp, liên kết theo chuỗi và ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến, hoàn thành xây dựng vùng chăn nuôi an toàn cho các loại vật nuôi chính liên kết với hệ thống giết mổ, chế biến tập trung, công nghiệp gắn với phát triển thị trường. Phát triển đàn heo 2.035.940 con; đàn trâu 12.700 con; đàn bò 40.670 con; đàn gia cầm đạt 10.233 ngàn con. Sản lượng thịt hơi các loại trên 400.000 tấn.

(3) Về Thủy sản:

Tiếp tục triển khai các hoạt động khuyến ngư, quản lý chất lượng con giống và thức ăn, thuốc thú y trong thủy sản nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm thủy sản. Năm 2024, diện tích nuôi trồng 1.200 ha, sản lượng đạt 2.360 tấn, trong đó sản lượng nuôi trồng 2.000 tấn, sản lượng khai thác 360 tấn.

(4) Về Lâm nghiệp:

Tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của người dân trong vùng đặc biệt là đồng bào dân tộc bản địa về vai trò và tầm quan trọng của rừng để từ đó nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ và phòng chống cháy rừng. Tăng cường các biện pháp quản lý bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng; tổ chức xây dựng cơ sở hạ tầng phòng cháy chữa cháy rừng. Thực hiện công tác tuyên truyền phổ biến về chính sách chi trả DVMTR đối với các đơn vị sử dụng và các đơn vị cung cấp DVMTR cũng như các tổ chức, cá nhân có liên quan. Hướng dẫn các hạt Kiểm lâm, các chủ rừng triển khai thực hiện xây dựng kế hoạch Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp và Tiểu dự án 1, Dự án 3 năm 2024, 2025, bố trí vốn đầu tư cho các đơn vị cơ sở năm 2024. Tổng hợp, trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp và Tiểu dự án 1, Dự án 3 năm 2025.

- Thực hiện kế hoạch, chỉ tiêu nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2024:

+ Tiếp tục thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, tỷ lệ che phủ rừng đạt 22,74%.

+ Công tác phát triển rừng: Tiếp tục chăm sóc rừng trồng: 169,44 ha đã trồng năm 2021; 3,4 ha rừng sản xuất trồng năm 2023; Trồng mới 300 ha rừng bán ngập hồ thủy điện Thác Mơ.

(5) Công nghiệp chế biến và cơ giới hóa nông nghiệp:

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch Đề án “Phát triển hệ thống sơ chế, bảo quản sau thu hoạch giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa đồng bộ ở tất cả các khâu sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản, phù hợp với điều kiện từng vùng, từng loại cây trồng, vật nuôi. Phát triển các tổ chức kinh doanh dịch vụ cơ giới hóa nông nghiệp, công nghiệp hỗ trợ và đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất hàng hóa lớn trong nông

nghiệp. Phát triển công nghiệp chế biến nông sản gắn với phát triển các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung được cơ giới hóa đồng bộ, theo nhu cầu và khả năng tiêu thụ của thị trường. Đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao thân thiện với môi trường và hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến trong bảo quản, chế biến nông sản. Đa dạng hóa sản phẩm chế biến, tăng tỷ trọng chế biến sâu; tăng chế biến từ các phụ phẩm của sản xuất nông nghiệp, tăng giá trị gia tăng. Phát triển công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ logistic phục vụ nông nghiệp. Xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp cơ khí, hóa chất và công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản; thu hút đầu tư vào phát triển hạ tầng logistic, nhất là hạ tầng giao thông vận tải; hạ tầng kho bãi phục vụ phát triển sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản.

2. Chương trình kinh tế hợp tác, kinh tế trang trại và ngành nghề nông thôn:

Tập trung các nguồn lực, hoạt động có liên quan cho các xã xây dựng nông thôn mới theo kế hoạch về đích năm 2024 đạt tiêu chí số 13; hỗ trợ thành lập mới cho các HTX, THT; hỗ trợ xây dựng các mô hình hợp tác, liên kết tiêu thụ hợp đồng chuỗi giá trị theo Kế hoạch hành động phát triển 15000 HTX trên địa bàn tỉnh và Nghị định số 98/2018/NĐ-CP về liên kết tiêu thụ sản phẩm; triển khai các chuỗi liên kết sản xuất theo Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 05/7/2019 của HĐND tỉnh Quy định chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh Bình Phước. . .

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án chiến lược Phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, gồm các hộ ĐBDT thiếu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo, để tự tạo việc làm tại chỗ gắn với phát triển sản xuất sản phẩm OCOP tại địa phương cho khoảng 2.365 lao động.

3. Tăng cường công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm:

Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản. Thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Công tác thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP). Thanh, kiểm tra đột xuất về an toàn thực phẩm, xử lý nghiêm và công bố công khai các hành vi gian lận, vi phạm các quy định về chất lượng, an toàn thực phẩm, cạnh tranh không lành mạnh đe dọa đến sức khỏe người tiêu dùng.

4. Nâng cao năng lực phòng chống thiên tai và phát triển thủy lợi - Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn.

Về phát triển thủy lợi: Hướng dẫn địa phương thành lập củng cố tổ chức thủy lợi cơ sở quản lý, khai thác thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng đáp ứng theo Điều 30 của Thông tư 05/2018/TT-BNN&PTNT. Triển khai thực hiện đề án nâng cấp và phát triển hệ thống thủy lợi, khai thác nguồn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân giai đoạn 2021 - 2025 tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Triển khai Kế hoạch số 248/KH-UBND ngày 14/8/2023 về triển khai thực hiện đảm bảo an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm

2045 trên địa bàn tỉnh và triển khai các dự án sửa chữa đảm bảo an toàn hồ đập năm 2024.

Về nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn: Đưa tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đến cuối năm 2024 lên 99,6%, tăng 0,4% so với 2023 góp phần hoàn thành mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra.

Về nâng cao năng lực phòng chống thiên tai: Phối hợp với Ban chỉ huy PCTT & TKCN các huyện, thị xã, thành phố theo dõi tình hình thiên tai trên địa bàn tỉnh. Chỉ đạo các địa phương tổ chức kiểm tra, rà soát các khu vực, địa điểm có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất, ngập úng ... để kịp thời tham mưu, chỉ đạo phối hợp các đơn vị liên quan gia cố, khắc phục, cảnh báo hoặc vận động di dời đến nơi an toàn. Thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng trên địa bàn tỉnh năm 2024 (tập huấn, tuyên truyền, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ cho lực lượng xung kích PCTT cấp xã). Xây dựng phương án ứng phó tương ứng với các cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh.

5. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp:

Đẩy mạnh thực hiện các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản: Nghiên cứu, xây dựng ban hành các chính sách ưu tiên để khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác; tập trung chuyển đổi hợp tác xã nông nghiệp hoạt động theo Luật Hợp tác xã và Nghị định về hợp tác xã nông nghiệp.

6. Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế:

- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của Ban Hội nhập Kinh tế quốc tế tỉnh Bình Phước năm 2024.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, tận dụng các cơ hội do hội nhập kinh tế quốc tế mang lại nhằm phát huy tối đa tiềm năng và lợi thế của ngành nông nghiệp, góp phần thực hiện thành công Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn mà trọng tâm là cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn, nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành; nâng cao giá trị sản xuất, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông lâm thủy sản. Nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về an toàn thực phẩm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng sản phẩm nông lâm thủy sản nhằm đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế.

7. Phát triển nông thôn, trọng tâm là thực hiện hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

Năm 2024 dự kiến phấn đấu có thêm: 5 xã đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế lên 85 xã đạt chuẩn); 6 xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (lũy kế 33 xã đạt chuẩn); 02 xã phấn đấu về đích nông thôn mới kiểu mẫu; 04 huyện phấn đấu về đích huyện nông thôn mới, bao gồm:

- 05 Xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới: Huyện Hớn Quản: Xã Tân Hưng; Huyện Bù Gia Mập: Xã Phú Văn; Huyện Bù Đăng: Nghĩa Bình, Đồng Nai, Đăng Hà.

- 06 xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: Thị xã Bình Long: Xã Thanh Phú; Thị xã Chơn Thành: Xã Nha Bích; Huyện Đồng Phú: Xã Tân Phước;

Huyện Lộc Ninh: Xã Lộc Hưng; Huyện Hớn Quản: Xã Tân Quan; Huyện Phú Riềng: Xã Bình Tân.

- 02 xã phân đấu về đích nông thôn mới kiểu mẫu: TX Phước Long: Xã Phước Tín; Huyện Lộc Ninh: Xã Lộc Thái;

- Bình quân tiêu chí toàn tỉnh là: 18,95/19 tiêu chí (bộ tiêu chí đạt chuẩn)

- 02 huyện Đồng Phú và Chơn Thành được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới/thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; hoàn thiện hồ sơ huyện Lộc Ninh đạt chuẩn huyện nông thôn mới trình Trung ương thẩm định; từng bước hoàn thiện các tiêu chí huyện Phú Riềng đạt chuẩn huyện NTM.

8. Cải cách hành chính, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý ngành.

- Triển khai thực hiện chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết của Chính phủ, của Tỉnh ủy về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 của UBND tỉnh.

- Công tác thủ tục hành chính: Tiến hành rà soát, cập nhật, công bố, công khai quy định thủ tục hành chính của Sở Nông nghiệp và PTNT theo Quyết định số 1172/QĐ-UBND ngày 26/5/2020 của UBND tỉnh.

- Công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành Luật tiết kiệm, chống lãng phí:

+ Triển khai có hiệu quả Luật phòng chống tham nhũng, Luật tiết kiệm, chống lãng phí cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong Sở, đảm bảo hàng năm không có cá nhân, tổ chức vi phạm.

+ Tiếp tục tổ chức tốt công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo các quy định, kế hoạch liên quan. Phối hợp các cơ quan chức năng, ban, ngành của tỉnh và địa phương giải quyết dứt điểm các đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở theo đúng quy định của pháp luật, không để tồn đọng, kéo dài dẫn đến khiếu kiện vượt cấp.

III. Giải pháp thực hiện:

1. Triển khai có hiệu quả các Đề án thuộc Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 30/9/2021 của Tỉnh ủy.

2. Xây dựng các chính sách phát triển vùng nguyên liệu các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản của tỉnh, địa phương; chính sách hỗ trợ cơ giới hoá, tự động hóa, khoa học - công nghệ; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư, tích tụ đất đai theo chuỗi, chế biến sâu và xây dựng thương hiệu, thị trường.

3. Nâng cao trình độ nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, công nghệ thông tin trong toàn bộ các khâu của chuỗi giá trị, kết nối đồng bộ với các ngành, lĩnh vực khác để hình thành nền sản xuất nông nghiệp thông minh, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, lao động, nâng cao giá trị gia tăng, sức cạnh tranh và phát triển bền vững của ngành; chuyển giao ứng dụng, nhân rộng trong thực tiễn sản xuất, góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống của nông dân, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính. Phát triển thị trường công nghệ nông nghiệp trên

cơ sở đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ.

4. Đẩy mạnh huy động nguồn lực, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào nông nghiệp. Tập trung nguồn lực xã hội hóa, khuyến khích, mời gọi các doanh nghiệp, các hợp tác xã và người dân có nhu cầu đầu tư vào sản xuất để phát triển các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung; kêu gọi doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp; kêu gọi tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng; nghiên cứu, ứng dụng, thử nghiệm, trình diễn và sản xuất sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

5. Đẩy mạnh phát triển các chuỗi sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm, xây dựng thương hiệu và thị trường gắn với tuyên truyền đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm. Phát triển nông nghiệp bền vững dựa trên việc kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, hệ sinh thái.

6. Thúc đẩy phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản; phát triển công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ logistic.

7. Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp:

- Về Thủy lợi: tập trung thực hiện các dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch Thủy lợi tỉnh Bình Phước tại Quyết định số 2156/QĐ-UBND ngày 31/8/2017: Ưu tiên đầu tư phát triển công trình thủy lợi phục vụ cây trồng cận có giá trị kinh tế cao (Sầu riêng, Bưởi, Hồ tiêu...); nâng cấp và bảo đảm an toàn hệ thống hồ chứa; xây dựng các mô hình áp dụng tiến bộ kỹ thuật tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; đẩy mạnh thực hiện chương trình đổi mới, nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác các công trình thủy lợi, chú trọng tăng cường công tác quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng để nâng cao hiệu quả công trình; áp dụng kỹ thuật, thiết bị mới công nghệ cao trong thiết kế, thi công quản lý các công trình thủy lợi.

- Về Giao thông nội đồng: thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới để hoàn chỉnh hệ thống giao thông nội đồng; thực hiện theo cơ chế đặc thù của tỉnh. Nhà nước hỗ trợ xi măng, người dân đóng góp để làm đường bê tông kết nối các khu vực sản xuất; đường giao thông nội đồng được nối từ các tuyến đường huyện, đường liên xã và đường giao thông nông thôn vào từng cánh đồng, mặt đường tối thiểu rộng 3,5- 5,0 m, để các loại xe máy kéo, máy nông nghiệp, xe vận chuyển nông sản có thể lưu thông và thực hiện tốt nhiệm vụ cơ giới hóa.

Trên đây là báo cáo tổng kết thực hiện Kế hoạch phát triển nông nghiệp và nông thôn năm 2023 và triển khai kế hoạch năm 2024 ngành Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Phước./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- GD Sở, PGD Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, KH (M.Hà/Danh).

GIÁM ĐỐC

Phạm Thụy Luân

